



Hướng dẫn tại nhà cho gia đình

Chương trình toán lớp 5 tại Hệ thống trường công lập Bắc Carolina

Sơ lược nội dung

Đến cuối khóa học con tôi sẽ biết cách:

- Xác định xem một dữ liệu là dữ liệu phân loại/số hay dữ liệu thay đổi theo thời gian.
- Quan sát và thu thập dữ liệu thay đổi theo thời gian.
- Hiểu được những đặc trưng của lưới tọa độ.
- Vẽ đồ thị các điểm.
- Giải các bài toán liên quan đến xác định vị trí tọa độ trên đồ thị.
- Vẽ tọa độ trên lưới tọa độ
- Giải các bài toán một và hai bước bằng cách sử dụng thông tin trên đồ thị.
- Xác định các cặp có thứ tự từ biểu đồ đường.
- Xác định mối quan hệ giữa các cặp có thứ tự.
- Tạo hai kiểu số bằng cách sử dụng hai quy tắc nhất định.
- Sử dụng mô hình diện tích để nhân hai số nguyên, một số có tối đa ba chữ số với một số có hai chữ số.
- Hiểu mối quan hệ giữa tích từng phần trong mô hình diện tích với thuật toán nhân chuẩn.
- Để tìm tích từng phần bằng cách sử dụng dạng khai triển để nhân hai số nguyên, một số có tối đa ba chữ số với một số có hai chữ số.
- Hiểu mối quan hệ giữa tích từng phần với thuật toán nhân tiêu chuẩn.
- Sử dụng thuật toán chuẩn để nhân hai số nguyên, một số có tối đa ba chữ số với một số có hai chữ số.
- Khám phá các cách tiếp cận (phép trừ lặp) để tìm thương khi chia các số nguyên, với số bị chia có tối đa bốn chữ số và số chia có hai chữ số.
- Đặt số dư vào ngữ cảnh để giải thích.
- Khám phá các cách tiếp cận (Mô hình diện tích, mảng hình chữ nhật) để tìm thương khi chia các số nguyên, với số bị chia có tối đa bốn chữ số và số chia có hai chữ số.
- Khám phá các cách tiếp cận (Thương từng phần) để tìm thương khi chia các số nguyên, với số bị chia có tối đa bốn chữ số và số chia có hai chữ số.
- Giải thích phép chia khi nó liên quan đến phép nhân bằng cách sử dụng các mô hình.
- Xác định biểu thức.
- Hiểu được thứ tự của phép tính.
- Hiểu được tính chất của các phép tính.
- Phát triển mối quan hệ giữa các biểu thức.
- Viết và đánh giá các biểu thức bằng cách sử dụng thứ tự của các phép tính và tính chất.
- Giải các bài toán đồ hai bước gồm bốn phép tính.
- Sử dụng mô hình diện tích để cộng và trừ các phân số có mẫu số khác nhau.
- Sử dụng phân số chuẩn và tư duy số học về phân số để ước lượng trong đầu.
- Sử dụng trục số để cộng và trừ các phân số khác mẫu số.
- Sử dụng mô hình diện tích để cộng và trừ các hỗn số.
- Viết phương trình biểu diễn các bài toán đồ.



- Giải các bài toán đố một và hai bước bằng cách sử dụng mô hình diện tích để cộng và trừ các phân số, bao gồm hỗn số.
- Sử dụng nhiều mô hình khác nhau (Mô hình diện tích, mô hình chiều dài) để nhân một số nguyên với một phân số, bao gồm hỗn số.
- Viết ra những cách khái quát hóa về độ lớn của phép nhân với một phân số lớn hơn, nhỏ hơn và bằng 1.
- Giải các bài toán đố có liên quan đến phép nhân phân số.
- Sử dụng các mô hình để phát triển các thuật toán.
- Sử dụng các mô hình và phương trình để bắt đầu phát triển sự hiểu biết về một phân số, như chia tử số cho mẫu số.
- Viết và giải các bối cảnh câu chuyện phù hợp với các biểu thức liên quan đến việc chia phân số và số nguyên.
- Sử dụng các mô hình (mô hình diện tích và chiều dài) để giải các bài toán đố một bước liên quan đến việc chia các phân số đơn vị cho số nguyên (bao gồm số khác 0)
- Xác định các kiểu mẫu trong hệ thống giá trị theo hàng từ một triệu đến hàng nghìn.
- Xác định các kiểu mẫu trong tích số khi nhân với 10, 100 và 1000.
- Xác định các kiểu mẫu trong thương số khi chia cho 10 và 100.
- Giải thích mối quan hệ giữa các số dựa trên lũy thừa của 10.
- Thảo luận về giá trị của mỗi chữ số trong một số có nhiều chữ số.
- Giải thích mối quan hệ giữa giá trị của các chữ số trong số có nhiều chữ số.
- Xác định và áp dụng các kiểu mẫu vào tích và thương khi các số được nhân với 1,000, 100, 10, 0.1 và 0.01 và/hoặc chia cho 10 và 100 trong phạm vi gam và kilôgam.
- Khai triển số thập phân bằng cách thể hiện cách biểu diễn thập phân của từng giá trị theo hàng thập phân và thể hiện cách biểu diễn phân số của từng giá trị theo hàng thập phân.
- So sánh các số bằng cách sử dụng ký hiệu lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng.
- Sử dụng giá trị theo hàng để xác định cách so sánh các số.
- Sử dụng các mô hình như lưới hệ thập phân để giải các bài toán đố cộng và trừ liên quan đến số thập phân.
- Sử dụng các cách tiếp cận dựa trên giá trị theo hàng để cộng và trừ số thập phân.
- Sử dụng một dòng số mở để cộng và trừ số thập phân.
- Vận dụng kiến thức về tách số để cộng trừ các số thập phân.
- Nhân và chia số nguyên cho số thập phân bằng cách sử dụng mô hình diện tích.
- Nhân số thập phân với số thập phân bằng cách sử dụng mô hình diện tích.
- Nhân số nguyên với số thập phân bằng cách sử dụng kiến thức trước đây về giá trị theo hàng.
- Nhân số thập phân với số thập phân bằng cách sử dụng kiến thức trước đây về giá trị theo hàng.
- Sử dụng phép trừ lặp để chia số nguyên cho số thập phân.
- Sử dụng mô hình và cách tiếp cận giá trị theo hàng để chia số thập phân cho số nguyên.
- Chuyển đổi giữa các kích thước trong hệ mét.
- Viết biểu thức bằng cách sử dụng thứ tự của các phép tính và tính chất.
- Giải thích biểu thức bằng cách sử dụng thứ tự của các phép tính và tính chất.
- Giải bài toán đố hai bước gồm bốn phép tính.
- Giải thích thể tích là số khối lấp đầy một hình 3-D.
- Hiểu và giải thích rằng không được có sự chồng lấp hay khoảng trống khi lấp đầy hình 3D.



- Giải thích rằng thể tích là phần mở rộng của diện tích vì chúng bao trùm diện tích (lớp khối dưới đáy) bằng một lớp khối đơn vị, sau đó tăng thêm các lớp khối đơn vị lên trên lớp dưới đáy này.
- Tìm thể tích của một hình lăng trụ chữ nhật có độ dài các cạnh là số nguyên bằng cách xếp nó với các khối lập phương đơn vị và chứng tỏ rằng thể tích sẽ giống như kết quả tìm được bằng cách nhân chiều dài các cạnh.
- Tạo mối liên hệ giữa thể tích được mô hình hóa (dùng khối lập phương để xác định thể tích) và công thức tính thể tích.
- Tính thể tích bằng thuật toán.
- Phân tích hình 3D thành hình lăng trụ chữ nhật để tìm thể tích của toàn bộ hình 3D.
- Xác định và mô tả các hình tứ giác trong nhóm và phân nhóm dựa trên thuộc tính của chúng.
- Sắp xếp các hình tứ giác theo nhóm và phân nhóm dựa trên thuộc tính của chúng.
- Giải thích các tính chất của tứ giác.

Tò mò về các tiêu chuẩn cụ thể dành cho môn Toán lớp 5 tại Bắc Carolina?

Tham khảo **Khóa học tiêu chuẩn Bắc Carolina** để biết thêm thông tin. Quý vị đang tìm thêm những kiến giải về những điều học viên có thể làm được khi kết thúc khóa học này? Tham khảo **Tài liệu nội dung giải nén của NC DPI** phù hợp với tiêu chuẩn của khóa học.

Từ khóa

Hình ảnh		Thuật ngữ	Sự định nghĩa									
<table><tr><th>Thú cưng</th><th>Số bạn cùng lớp</th></tr><tr><td>Con mèo</td><td>4</td></tr><tr><td>Con chó</td><td>7</td></tr><tr><td>Con cá</td><td>3</td></tr><tr><td>Con thằn lằn</td><td>1</td></tr></table>	Thú cưng	Số bạn cùng lớp	Con mèo	4	Con chó	7	Con cá	3	Con thằn lằn	1	Dữ liệu	Một tập hợp dữ kiện, chẳng hạn như con số, từ ngữ, phép đo, sự quan sát hoặc mô tả sự vật đơn thuần.
Thú cưng	Số bạn cùng lớp											
Con mèo	4											
Con chó	7											
Con cá	3											
Con thằn lằn	1											
<table><tr><th>Hương vị KEM yêu thích</th><th></th></tr><tr><td>Sô cô la</td><td>15</td></tr><tr><td>Vani</td><td>10</td></tr><tr><td>Đào</td><td>5</td></tr></table>	Hương vị KEM yêu thích		Sô cô la	15	Vani	10	Đào	5	Khảo sát	Thu thập thông tin theo từng mẫu cá nhân để có thể hiểu về toàn bộ sự việc.		
Hương vị KEM yêu thích												
Sô cô la	15											
Vani	10											
Đào	5											
Hương vị kem yêu thích của lớp tôi  Sô cô la Vani Đào CHÚ GIẢI: Mỗi cây kem ốc quế = 5 Hình ảnh kem ốc quế từ Poshay.com	Dữ liệu phân loại	Dữ liệu có thể được chia thành các nhóm cụ thể, chẳng hạn như màu sắc yêu thích, nhóm tuổi, loại thực phẩm, môn thể thao, v.v.										



Hình ảnh

Nhiệt độ cao hàng ngày trong kỳ nghỉ xuân	
ngày 18 tháng 4	50
ngày 19 tháng 4	60
ngày 20 tháng 4	66
ngày 21 tháng 4	73
ngày 22 tháng 4	80
ngày 23 tháng 4	80
ngày 24 tháng 4	83

tính bằng độ F

Thuật ngữ

Dữ liệu số

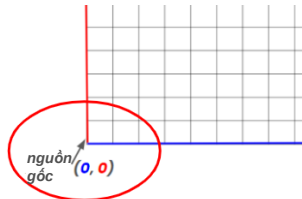
Sự định nghĩa

Dữ liệu có thể đo lường và biểu diễn bằng con số.



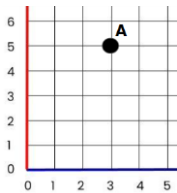
Biểu đồ đường

Biểu đồ thể hiện dữ liệu được kết nối theo một cách nào đó (chẳng hạn thay đổi theo thời gian).



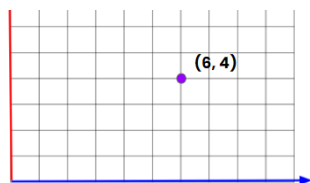
nguồn gốc

Điểm bắt đầu Trên đồ thị hai chiều, đó là nơi giao nhau của trục x và trục y.



điểm

Điểm là một vị trí chính xác, thể hiện bằng cách dùng lưới tọa độ. Chúng thường có tên, thường là một chữ cái như "A".



Cặp có thứ tự

Hai số được viết theo một thứ tự nhất định. Thường được viết trong ngoặc đơn như thế này: **(6, 4)** có thể dùng để thể hiện vị trí trên đồ thị, nơi giá trị "x" (phương ngang) có đầu tiên, và giá trị "y" (phương dọc) có thứ hai.

Ngày	Số cá Jim bắt được
0	0
1	2
2	4
3	6
4	8
5	10

Hạng tử

Hạng tử

Một số đơn lẻ hoặc một biến.



Hình ảnh

Ngày	Số cá Jim bắt được
0	0
1	2
2	4
3	6
4	8
5	10

Hạng tử tương ứng

Ngày	Số cá Jim bắt được
0	0
1	4
2	8
3	12
4	16
5	20

Thuật ngữ

Hạng tử tương ứng

Sự định nghĩa

Các số trong kiểu mẫu có mặt ở cùng một vị trí.

Ngày	Số cá Jim bắt được
0	0
1	2
2	4
3	6
4	8
5	10

Khoảng

Khoảng

Tất cả các số giữa hai giá trị cho trước.

25
x 7

Phép nhân

Quá trình cộng lặp lại.

$$\begin{array}{|c|c|c|c|c|c|c|c|} \hline 1 & 2 & 3 & 4 & 5 & 6 & 7 & \\ \hline 25 & + & 25 & + & 25 & + & 25 & + & 25 & + & 25 & + & 25 & = & 175 \\ \hline \end{array}$$

Thừa số

$$\begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline 37 & \times & 72 & = & 2,664 \\ \hline \end{array}$$

Thừa số

Các số nhân với nhau để được một tích số.

Tích số

$$\begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline 37 & \times & 72 & = & 2,664 \\ \hline \end{array}$$

Tích số

Đáp án của một bài toán nhân.

	50	6
40	2000	240
7	350	42

Mô hình diện tích

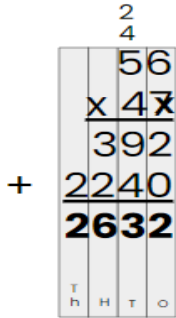
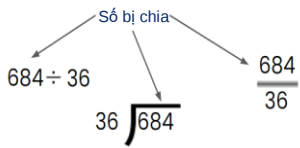
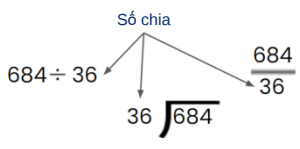
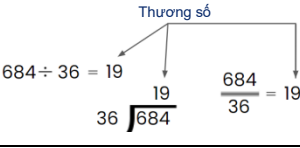
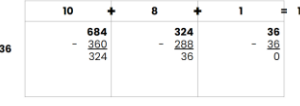
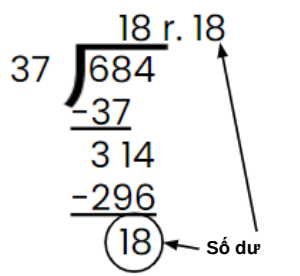
Biểu đồ hình chữ nhật dùng để nhân các số có nhiều chữ số.

$$\begin{array}{r} 56 = 50 + 6 \\ \times 47 = 40 + 7 \\ \hline 42 \\ 350 \\ 240 \\ +2000 \\ \hline 2632 \end{array}$$

Tích từng phần

Tích của các phần trong dạng khai triển của số.

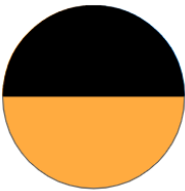
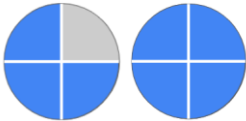
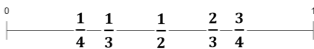
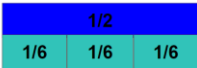
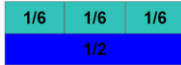


Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa
729	Số nguyên	Bất kỳ số nào không có số thập phân hay phân số.
$(30 + 5) + 4 \times 6 + 6 \div 2$	Biểu thức	Một nhóm số và ký hiệu thể hiện giá trị của một thứ gì đó.
	Thuật toán chuẩn	Một cách để nhân các số theo giá trị theo hàng.
	Số bị chia	Số bị chia trong bài toán chia.
	Số chia	Số đem chia cho số bị chia của một bài toán chia.
	Thương số	Đáp án của bài toán chia.
	Mô hình diện tích / Bảng hình chữ nhật	Biểu đồ hình chữ nhật dùng để chia số có nhiều chữ số.
	Số dư	Lượng còn lại trong bài toán chia.



Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa
	Thương từng phần	Một phương pháp chia bằng cách dùng các bội số để tính và phép trừ.
Phép cộng: $24 + 39 = 63$ Phép nhân: $16 \times 49 = 784$ Phép trừ: $63 - 39 = 24$ Phép chia: $784 \div 49 = 16$	Phép tính nghịch đảo	Hai phép tính đối lập hoặc bù trừ cho nhau. Ví dụ, phép cộng và phép trừ là các phép tính nghịch đảo, phép nhân và chia là các phép tính nghịch đảo.
Bước 1: P (dấu ngoặc đơn) Bước 2: E (số mũ) Bước 3: MD (nhân và chia, từ trái sang phải) Bước 4: AS (cộng và trừ, từ trái sang phải)	Thứ tự các phép tính	Một bộ quy tắc thể hiện trình tự các bước dùng để giải các biểu thức toán học.
$a + b = b + a$ $4 + 5 = 5 + 4$	Tính chất giao hoán của phép cộng	Quy tắc nói rằng thứ tự các số được cộng không làm thay đổi tổng.
$a * b = b * a$ $6 * 2 = 2 * 6$	Tính chất giao hoán của phép nhân	Quy tắc nói rằng thứ tự của các số được nhân không làm thay đổi tích.
$(a + b) + c = a + (b + c)$ $(7 + 3) + 9 = 7 + (3 + 9)$	Tính chất kết hợp của phép cộng	Quy tắc nói rằng cách nhóm các số hạng không làm thay đổi tổng.
$(a * b) * c = a * (b * c)$ $(2 * 4) * 6 = 2 * (4 * 6)$	Tính chất kết hợp của phép nhân	Quy tắc nói rằng cách nhóm các thừa số không làm thay đổi tích.
$a(b + c) = a * b + a * c$ $5(8 * 3) = 5 * 8 + 5 * 3$	Tính chất phân phối	Quy tắc nói rằng khi nhân với các số trong dấu ngoặc đơn, kết quả sẽ giống như khi bạn hoàn thành phép tính trong dấu ngoặc đơn trước rồi mới nhân.



Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa
$\frac{1}{2}$ 	Phân số	Các giá trị nằm giữa các số nguyên.
 $\frac{1}{2}$	Tử số	Số nằm phía trên trong một phân số. Nó cho biết chúng ta có bao nhiêu phần liên quan đến số phần ở mẫu số.
 $\frac{1}{2}$	Mẫu số	Số nằm phía dưới trong một phân số. Nó cho biết vật được chia thành bao nhiêu phần bằng nhau.
 $\frac{3}{4}$	Phân số thật sự	Phân số có tử số (số nằm trên) nhỏ hơn mẫu số (số nằm dưới).
 $\frac{7}{4}$	Phân số không thật sự	Phân số có tử số (số nằm trên) lớn hơn hoặc bằng mẫu số (số nằm dưới).
	Phân số điểm chuẩn	Các phân số dễ nhận biết, dùng để so sánh các phân số khác nhằm ước lượng hoặc xác định giá trị hay độ lớn.
$\frac{1}{2} = \frac{3}{6}$ 	Phân số tương đương	Các phân số có cùng giá trị mặc dù chúng có thể trông khác nhau.
$\frac{6}{12} \div \frac{6}{6} = \frac{1}{2}$ $\frac{6}{12} \div \frac{6}{6} = \frac{1}{2}$ $\frac{6}{12} \div \frac{6}{6} = \frac{1}{2}$ $\frac{6}{12} \div \frac{6}{6} = \frac{1}{2}$	Dạng đơn giản nhất	Dạng tương đương của một phân số mà tử số và mẫu số chỉ có một thừa số chung.
$\frac{3}{6} \div \frac{3}{3} = \frac{1}{2}$ 	Rút gọn	Đổi một phân số thành hạng tử thấp nhất, làm cho nó đơn giản hết mức.

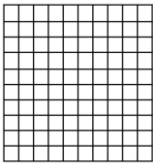
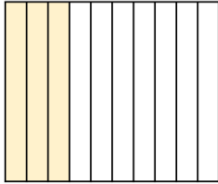
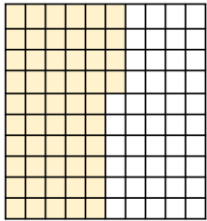
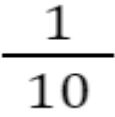


Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa																						
$2\frac{4}{8}$ 	Hỗn số	Một số nguyên và một phân số kết hợp với nhau.																						
<table><tr><td>1</td><td>9</td><td>8</td><td>5</td><td>3</td><td>1</td><td>0</td><td>.</td><td>5</td><td>3</td><td>4</td></tr><tr><td>hàng triệu</td><td>hàng trăm nghìn</td><td>hàng nghìn</td><td>hàng trăm</td><td>hàng chục</td><td>hàng đơn vị</td><td>hàng phần trăm</td><td>phần thập phân</td><td>hàng phần nghìn</td><td>hàng phần trăm</td><td>hàng phần nghìn</td></tr></table>	1	9	8	5	3	1	0	.	5	3	4	hàng triệu	hàng trăm nghìn	hàng nghìn	hàng trăm	hàng chục	hàng đơn vị	hàng phần trăm	phần thập phân	hàng phần nghìn	hàng phần trăm	hàng phần nghìn	giá trị theo hàng	Đây là hệ thống cho chúng ta biết giá trị của một chữ số dựa trên vị trí của nó. Ví dụ; số 5 trong 650 đại diện cho 5 chục, có giá trị là 50, nhưng số 5 trong 5,397 lại đại diện cho 5 nghìn, có giá trị là 5,000.
1	9	8	5	3	1	0	.	5	3	4														
hàng triệu	hàng trăm nghìn	hàng nghìn	hàng trăm	hàng chục	hàng đơn vị	hàng phần trăm	phần thập phân	hàng phần nghìn	hàng phần trăm	hàng phần nghìn														
Số nguyên Số thập phân 63.057 ↑	dấu thập phân	Dấu ngăn cách số nguyên với phần phân số.																						
Số nguyên Số thập phân 63.057 ↑ Chữ số thập phân hàng chục	Chữ số thập phân hàng chục	Tên của vị trí bên phải dấu thập phân (chữ số thập phân đầu tiên).																						
Số nguyên Số thập phân 63.057 ↑ Chữ số thập phân hàng trăm	Chữ số thập phân hàng trăm	Tên của vị trí bên phải chữ số thập phân hàng chục (chữ số thập phân thứ hai).																						
Số nguyên Số thập phân 63.057 ↑ Chữ số thập phân hàng nghìn	Chữ số thập phân hàng nghìn	Tên của vị trí bên phải chữ số thập phân hàng trăm (chữ số thập phân thứ ba).																						
$70 \times 4 = 280$ ↑ Tích số	tích số	Đáp án có được khi nhân 2 số trở lên.																						

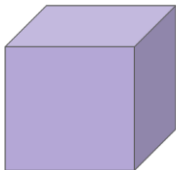
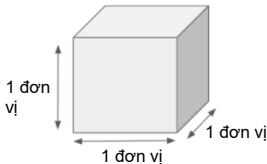


Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa
	Tính chất giao hoán	Quy tắc toán học nói rằng thứ tự nhân các số không làm thay đổi tích.
	giá trị	Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong một số.
Khi bạn nghe... GRAM ... hãy tưởng tượng bạn đang cầm một chiếc kẹp giấy! Các vật thể chúng ta đo bằng gam - Mẩu giấy - Khối xúc xắc - Viên kẹo - Một bông hoa KILOGRAM ... hãy tưởng tượng bạn đang cầm một cuộn giấy dán! Các vật thể chúng ta đo bằng kilôgam - Con người - Xe - Động vật lớn	gam	Một từ trong hệ mét dùng để đo các đơn vị trọng lượng nhỏ.
Khi bạn nghe... GRAM ... hãy tưởng tượng bạn đang cầm một chiếc kẹp giấy! Các vật thể chúng ta đo bằng gam - Mẩu giấy - Khối xúc xắc - Viên kẹo - Một bông hoa KILOGRAM ... hãy tưởng tượng bạn đang cầm một cuộn giấy dán! Các vật thể chúng ta đo bằng kilôgam - Con người - Xe - Động vật lớn	kilôgam	Một từ trong hệ mét dùng để đo các đơn vị trọng lượng lớn.
	chuyển đổi	Sử dụng phép nhân hoặc phép chia để thay đổi giá trị từ dạng này thành dạng khác.
	so sánh	Tìm số thập phân lớn hơn và nhỏ hơn trong một tập hợp số cho trước.
4,053.09 $(4 \times 1,000) + (5 \times 10) + (3 \times 1) + (9 \times 0.01)$ ← Dạng khai triển Bốn nghìn, năm mươi-ba và chín mươi	dạng khai triển	Cách viết một số bằng cách tách rời và đưa vào giá trị từng chữ số của nó.
4,053.09 $(4 \times 1,000) + (5 \times 10) + (3 \times 1) + (9 \times 0.01)$ Bốn nghìn, năm mươi-ba và chín mươi ← Dạng chữ	dạng chữ	Cách để viết một số bằng cách viết nó bằng chữ thay vì bằng số.

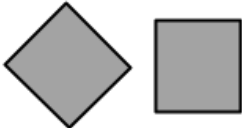
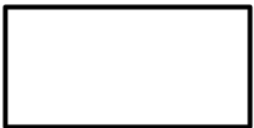
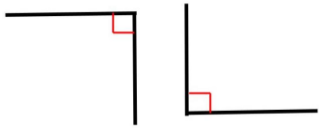
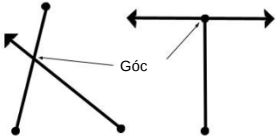
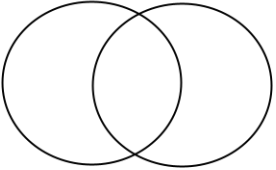


Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa
 $(4 \times 1,000) + (5 \times 10) + (3 \times 1) + (9 \times 0.01)$ Bốn nghìn, năm mươi ba và chín mươi	dạng chuẩn	Cách viết một số bằng chữ số..
	Ký hiệu nhỏ hơn	Ký hiệu dùng để thể hiện rằng số ở bên trái nhỏ hơn số ở bên phải.
	Ký hiệu lớn hơn	Ký hiệu dùng để thể hiện số ở bên trái lớn hơn số ở bên phải.
	Ký hiệu bằng	Ký hiệu dùng để thể hiện rằng hai số có cùng giá trị (bằng nhau).
	lưới thập phân	Hệ thống lưới gồm các đơn vị, có thể dùng để thể hiện các số thập phân ở phần chục, hàng trăm và hàng nghìn. Lưới có thể được tô đậm để thể hiện một số thập phân cụ thể.
 $= 3/10$ $= 30/100$ $= 0.3$	mô hình thập phân cho một phần mười	Một lưới có giá trị là 1 và được cắt thành mười phần bằng nhau. Mỗi phần có giá trị 0.10.
 $= 54/100$ $= 0.54$	mô hình thập phân cho một phần trăm	Lưới có giá trị là 1 và được cắt thành 100 phần bằng nhau. Mỗi phần có giá trị 0.01.
	trục số mở	Một trục liên tục không bị ngắt quãng, được để trống để người dùng thêm vào các khoảng của riêng họ nếu cần.
	một phần mười	Dạng phân số của số thập phân 0.1

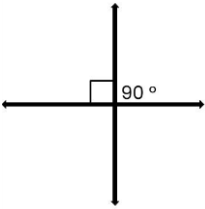
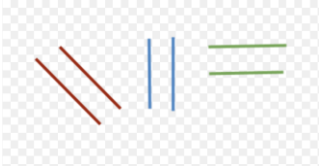
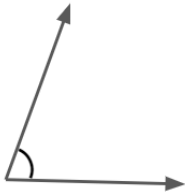
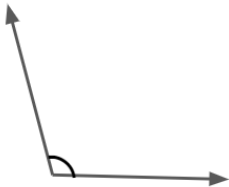
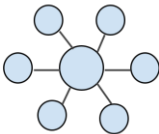
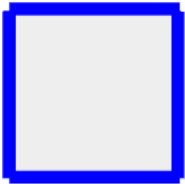


Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa
$\frac{1}{100}$	một phần trăm	Dạng phân số của số thập phân 0.01
$\frac{1}{1000}$	một phần nghìn	Dạng phân số của số thập phân 0.001
	Hình phẳng	Hình hai chiều
	Hình khối	Hình ba chiều; chẳng hạn như hình lập phương, lăng trụ, hình chóp, hình trụ và hình cầu.
 $V = \text{dài} \times \text{rộng} \times \text{cao}$ $V = 3 \times 2 \times 3$ $V = 18 \text{ đơn vị khối}$	Thể tích	Số đơn vị khối có thể vừa với một hình.
	Đơn vị khối	Hình lập phương có cạnh dài 1 đơn vị, dùng để đo thể tích của hình khối
	Hình lăng trụ chữ nhật	Hình khối ba chiều có sáu mặt hình chữ nhật.
	tứ giác	Đa giác khép kín có bốn cạnh và bốn góc



Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa
	hình bình hành	Hình bình hành là một tứ giác có hai cặp cạnh đối song song.
	hình thoi	tứ giác có các cạnh đối song song và tất cả các cạnh bằng nhau, tạo thành hai góc nhọn và hai góc tù.
	hình vuông	tứ giác có các cạnh đối song song và tất cả các cạnh bằng nhau, tạo thành bốn góc vuông
	hình thang	Hình thang là tứ giác chỉ có 1 cặp cạnh đối song song
	hình chữ nhật	tứ giác có các cạnh đối song song và bằng nhau, tạo thành bốn góc vuông
	Góc vuông	Một góc có số đo đúng 90 độ. Nó còn được gọi là một góc vuông.
	góc	Hình được tạo bởi hai đường thẳng, đoạn thẳng hoặc tia có chung một điểm cuối gọi là đỉnh
	phân loại	Sắp xếp hoặc nhóm lại dựa trên các thuộc tính chung.



Hình ảnh	Thuật ngữ	Sự định nghĩa
	Vuông góc	Giao điểm của các đường tạo thành một góc 90 độ
	Song song	Hai đường thẳng luôn cách nhau một khoảng không đổi và không bao giờ giao nhau
	Góc nhọn	Góc lớn hơn 0 độ và nhỏ hơn 90 độ
	Góc tù	Góc lớn hơn 90 độ và nhỏ hơn 180 độ
	thuộc tính	một tính chất hoặc đặc trưng mô tả điều gì đó
	đồng dạng	bằng nhau về kích thước hoặc chiều dài

Học thông qua thực hành: Kỹ năng theo cấp bậc lớp

Ví dụ về Kỹ năng theo cấp bậc lớp

Dữ liệu phân loại

Dữ liệu này có thể được nhóm hoặc phân loại. Thông thường, câu hỏi được sử dụng để thu thập



dữ liệu phân loại sẽ hỏi về sự ưu tiên hoặc yêu thích. Khi khảo sát, cũng có thể đặt câu hỏi “có” hoặc “không”.

Một vài ví dụ:

- Bạn thích hương vị kem nào?
- Bạn thích môn học nào hơn?
- Bạn có sở hữu một chiếc máy tính xách tay không?
- Màu mắt của các thành viên trong gia đình bạn là gì?

Dữ liệu số

Đây là dữ liệu có thể đo lường hoặc đếm.

Một vài ví dụ:

- Số lượng mỗi loại thú cưng trong gia đình các bạn cùng lớp của tôi là bao nhiêu?
- Bạn ăn trưa bằng bánh sandwich trong bao nhiêu ngày?
- Chiều cao của mỗi cây hoa trong vườn là bao nhiêu?
- Có bao nhiêu loại bộ trong sân nhà bạn?

Dữ liệu thể hiện sự thay đổi theo thời gian

Đây là một loại dữ liệu số cụ thể cho thấy sự thay đổi diễn ra theo thời gian.

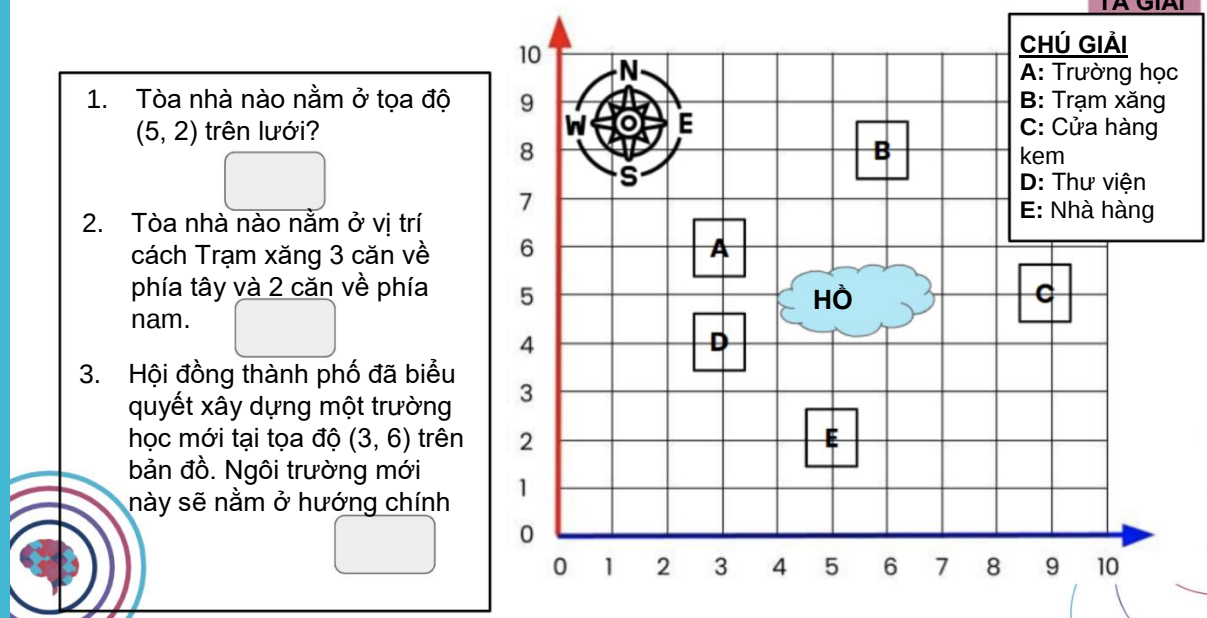
Một vài ví dụ:

- Ghi lại chiều cao của bạn mỗi tuần hoặc mỗi tháng trong năm.
- Theo dõi số lần vắng mặt mỗi tuần hoặc mỗi tháng.
- Ghi lại lượng cỏ dại trong vườn mỗi tuần.
- Đo lượng mưa mỗi tháng.

Giải các bài toán dựa trên tọa độ đồ thị sau đây.



Giải các bài toán dựa trên tọa độ đồ thị sau đây



Đáp án:

1) Nhà hàng 2) Trường học 3) Thư viện



Ví dụ về điểm dữ liệu:

Vẽ các điểm trên một đồ thị-các cặp có thứ tự- Lời giải

LỜI GIẢI

1. Làm thế nào bạn biết các số đo dữ liệu này thay đổi theo thời gian?

Cột có ghi các tháng.

2. Tiêu đề nào sẽ phù hợp với dữ liệu này?

Khoản tiết kiệm hằng tháng

3. Bạn nhận thấy điều gì về dữ liệu trong bảng?

Nó có vẻ ngẫu nhiên.

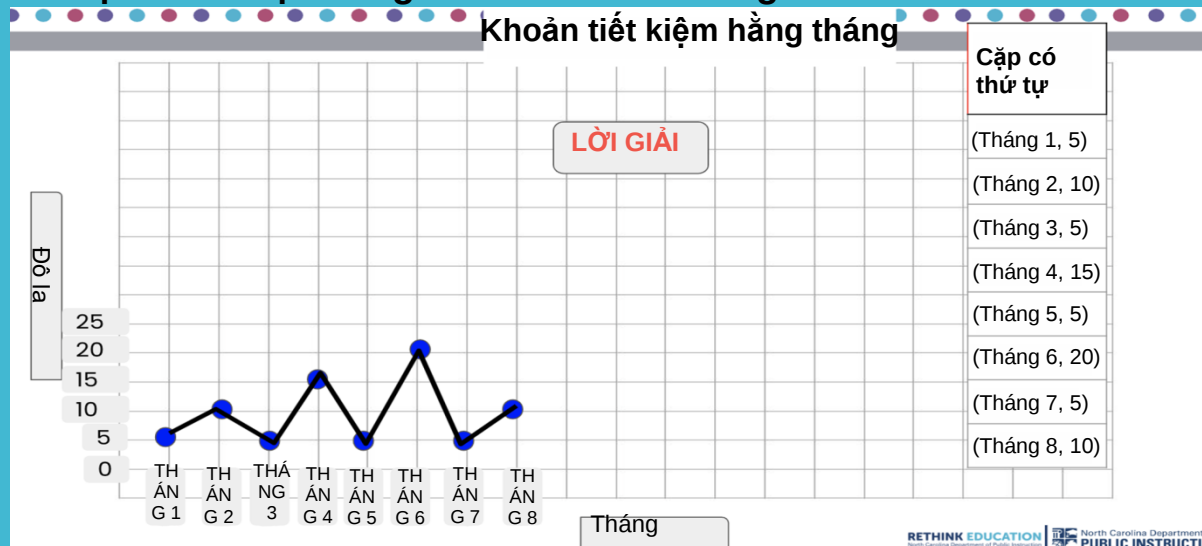
Tháng trục-x	Số đô la tiết kiệm được trục-y	Cặp có thứ tự
Tháng Một	\$5	(Tháng 1, 5)
Tháng Hai	\$10	(Tháng 2, 10)
Tháng Ba	\$5	(Tháng 3, 5)
Tháng Tư	\$15	(Tháng 4, 15)
Tháng Năm	\$5	(Tháng 5, 5)
Tháng Sáu	\$20	(Tháng 6, 20)
Tháng Bảy	\$5	(Tháng 7, 5)
Tháng Tám	\$10	(Tháng 8, 10)

Hình ảnh này cho thấy cách chúng ta có thể sử dụng dữ liệu để trả lời các câu hỏi. Làm sao bạn biết những số đo dữ liệu này thay đổi theo thời gian? Vì cột có nhãn "tháng".

Tiêu đề nào sẽ phù hợp với dữ liệu này? "Khoản tiết kiệm hằng tháng" là một khả năng, bạn có thể nghĩ ra tiêu đề nào khác phù hợp hơn. Miễn là nó thể hiện những gì chúng ta nhìn thấy trong nhãn dữ liệu của mình thì đều có thể chấp nhận được.

Bạn nhận thấy điều gì về dữ liệu trong bảng? Tôi thấy nó có vẻ ngẫu nhiên.

Dữ liệu trên được dùng để vẽ biểu đồ đường:



**Các bước thực hiện mô hình diện tích:**

- Vẽ một sơ đồ hình chữ nhật có hai cột gồm hai hàng.
- Viết các số nguyên ở dạng khai triển và dùng các phần để ghi nhãn cho các cột và hàng.
- Số phần của các số biểu thị số lượng cột và hàng mà mô hình diện tích cần.
- 2 chữ số x 2 chữ số = 2 cột và 2 hàng
- 3 chữ số x 2 chữ số = 3 cột và 2 hàng
- Nhân hàng chục của mỗi số, rồi điền tích số vào ô bên trái phía trên.
- Nhân hàng đơn vị của số thứ nhất với hàng chục của số thứ hai, rồi điền tích số vào ô bên phải phía trên.
- Nhân hàng chục của số thứ nhất với hàng đơn vị của số thứ hai, rồi điền tích số vào ô bên trái phía dưới.
- Nhân hàng đơn vị của mỗi số, rồi điền tích số vào ô bên phải phía dưới.
- Cộng các số ở từng ô trong số bốn ô của hình chữ nhật diện tích.

$56 = 50 + 6$	X	50	6	
$X47 = 40 + 7$				
2632	40	2000	240	2000 240 350 + 42 2632
	7	350	42	

Các bước thực hiện tích từng phần:

- Viết các số nguyên ở dạng khai triển.
- Nhân các số hàng đơn vị lại với nhau, bắt đầu xếp các tích số bên dưới các thừa số.
- Nhân hàng chục của số thứ nhất với hàng đơn vị ở số thứ hai, đặt tích số bên dưới tích thứ nhất.
- Nhân hàng trăm của số thứ nhất với hàng đơn vị của số thứ hai, đặt tích số bên dưới tích thứ hai.
- Nhân hàng đơn vị của số thứ nhất với hàng chục của số thứ hai, đặt tích số bên dưới tích thứ ba.
- Nhân hàng chục của số thứ nhất với hàng chục của số thứ hai, đặt tích số bên dưới tích thứ tư.
- Nhân hàng trăm của số thứ nhất với hàng chục của số thứ hai, đặt tích số bên dưới tích thứ năm và cũng là tích cuối cùng.
- Cộng các tích từng phần này lại để có được tích của hai số có nhiều chữ số.



$$148 = 100 + 40 + 8$$
$$\times 25 = \quad \quad \quad 20 + 5$$

$$\begin{array}{r} 40 \\ 200 \\ 500 \\ 160 \\ 800 \\ + 2000 \\ \hline 3700 \end{array}$$

Các tích từng phần

Phép trừ lặp:

$$684 \div 36 = 19$$

1 684 - 36 648	2 648 - 36 612	3 612 - 36 576	4 576 - 36 540	5 540 - 36 504	6 504 - 36 468	7 468 - 36 432	8 432 - 36 396	9 396 - 36 360	10 360 - 36 324
11 324 - 36 288	12 288 - 36 252	13 252 - 36 216	14 216 - 36 180	15 180 - 36 144	16 144 - 36 108	17 108 - 36 72	18 72 - 36 36	19 36 - 36 0	

Chia theo mô hình diện tích:

$$684 \div 36 = 19$$

	10	+	8	+	1	= 19
36	684 - 360 324		324 - 288 36		36 - 36 0	

Thương số một phần:



$$\begin{array}{r}
 33 \text{ r.15} \\
 17 \overline{) 576} \\
 \underline{-340} \\
 236 \\
 \underline{-170} \\
 66 \\
 \underline{-34} \\
 32 \\
 \underline{-17} \\
 15
 \end{array}$$

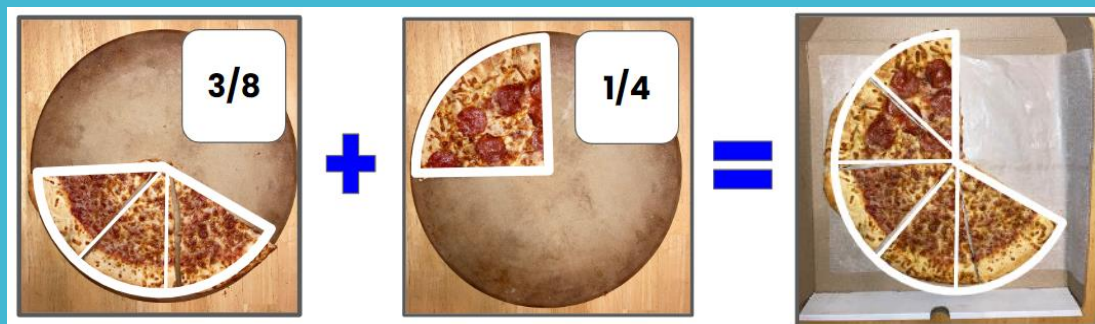
Số dư

$$\left. \begin{array}{l} 20 \\ + \\ 10 \\ + \\ 2 \\ + \\ 1 \end{array} \right\} 20+10+2+1 = \mathbf{33}$$

Sơ đồ thứ tự phép tính:

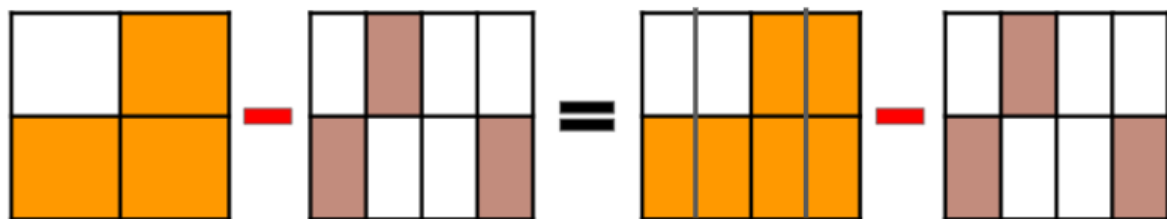
Bước 1: P (dấu ngoặc đơn)	()
Bước 2: E (số mũ)	4^x
Bước 3: M/D (nhân và chia, từ trái sang phải)	Phép tính nào có trước tính từ TRÁI -> PHẢI X và/hoặc ÷
Bước 4: A/S (cộng và trừ, từ trái sang phải)	Phép tính nào có trước tính từ TRÁI -> PHẢI + và/hoặc -

Cộng các phân số:

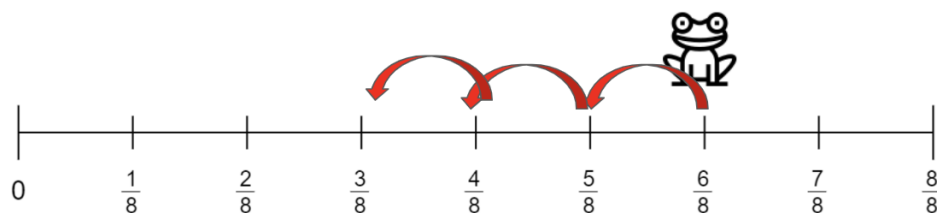


Khi cộng, trừ các phân số khác mẫu số, chúng ta phải quy đồng các phân số thành các phân số tương đương có cùng mẫu số, sao cho tất cả các phần đều có cùng độ lớn.

Trừ các phân số:



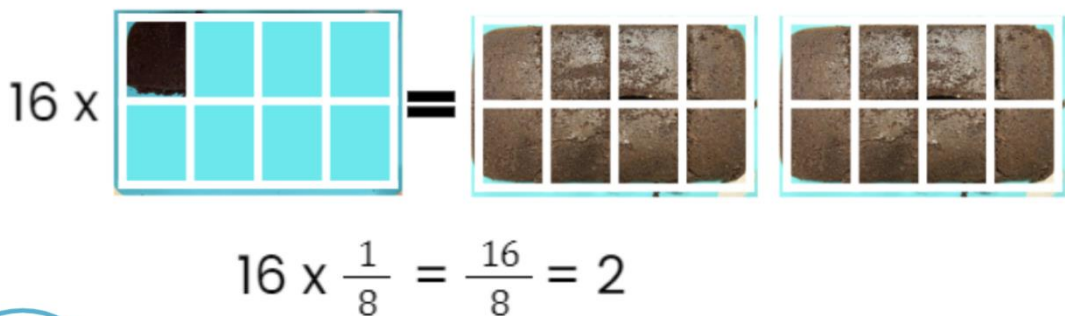
Mô hình trục số



Trên cùng là các mô hình diện tích để giải biểu thức, chúng ta quy đồng $3/4$ thành $6/8$ để có thể trừ các phần có cùng độ lớn. Dưới đây có một trục số mà chúng ta cũng có thể sử dụng để giải bài toán này. Một lần nữa, chúng ta sẽ cần quy đồng phân số có mẫu là 4 thành phân số có mẫu là 8 bằng cách sử dụng mối quan hệ nhân: $4 \times 2 = 8$ và chia mỗi phần tư thành hai phần nữa. Bây giờ, mô hình trục số đã được phân chia lại để biểu diễn các phần có cùng độ lớn với số trừ, chúng ta đã sẵn sàng đặt con ếch ở điểm bắt đầu, số bị trừ, $3/4$, bây giờ được quy đồng thành dạng tương đương là $6/8$. Bây giờ chúng ta sẽ biểu diễn việc di chuyển sang trái trên trục số bằng những mũi tên màu đỏ này. Điều này thể hiện hành động lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

Nhân các phân số:

Nhân một phân số với một số nguyên



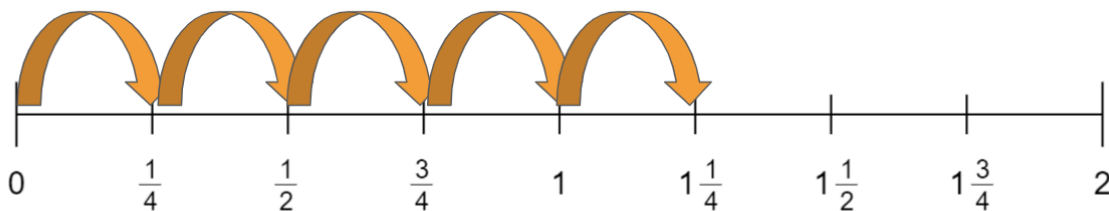
Một ý nghĩa của nhân phân số là phép cộng lặp. Nếu tôi có 16 phần của một phần tám chiếc bánh sô cô la thì tôi có bao nhiêu chiếc bánh sô cô la? 16 lần của $1/8$ cho kết quả là $16/8$. Phân số này có thể rút gọn thành 2 chiếc bánh nguyên như trong hình.



Nhân một phân số với một số nguyên bằng trục số:

Hãy sử dụng trục số để biểu diễn cùng một biểu thức:

$$5 \times \frac{1}{4} = 1 \frac{1}{4} = \frac{5}{4}$$



Chia các phân số:

$$5 \div 3 = \frac{5}{3} = 3 \overline{)5} = 1 \frac{2}{3}$$

Phần
của
người 1



Phần
của
người 2

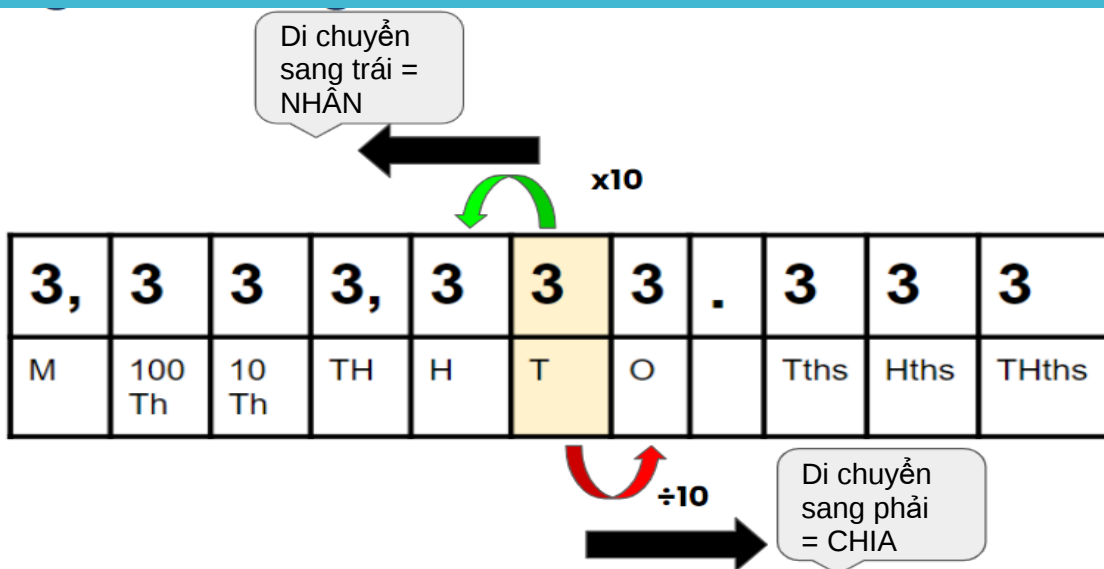
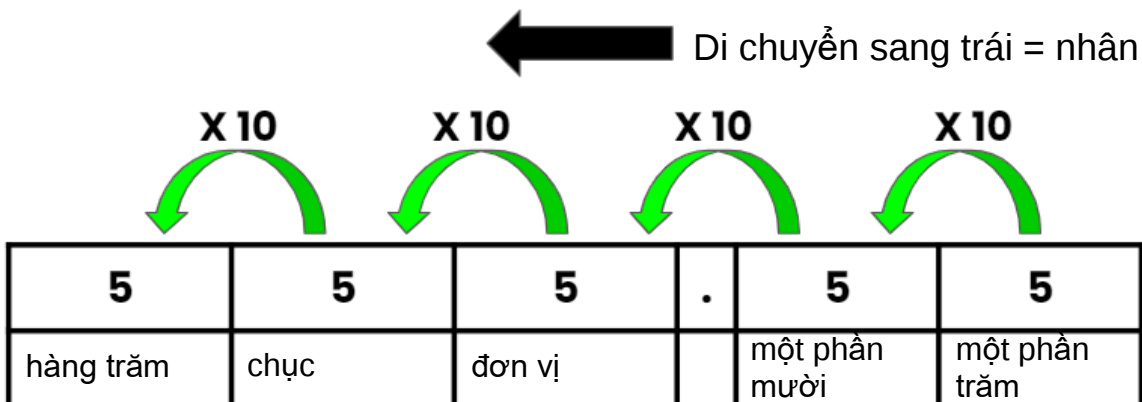


Phần
của
người 3



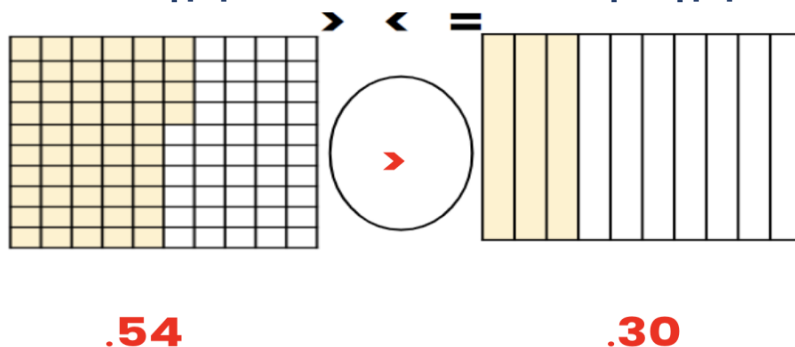
Năm thanh sô cô la được chia cho 3 người. Mỗi thanh trong số năm thanh đều được chia thành ba phần. Khi chia đều các phần ba ấy, chúng ta có thể thấy rằng mỗi người sẽ nhận được $\frac{5}{3}$ hay 1 và $\frac{2}{3}$ thanh sô cô la. Chúng ta có thể biểu diễn biểu thức lấy năm chia cho ba bằng phân số $\frac{5}{3}$.

Các kiểu mẫu trong hệ thống giá trị theo hàng:



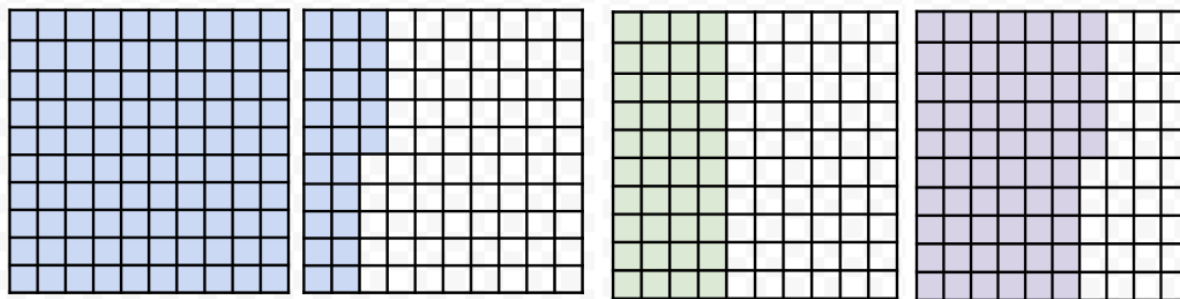
So sánh số thập phân:

So sánh số thập phân mười-Mô hình hệ thập phân



Cộng số thập phân:

Một công thức làm bánh cần 1.25 cup sữa, 0.40 cup dầu và 0.75 cup nước. Hỏi lượng chất lỏng trong tô trộn là bao nhiêu?



$$1 \quad .25 \quad + \quad .40 \quad + \quad .75$$

Sử dụng các mô hình để biểu diễn các số rồi sau đó kết hợp các mô hình để lấp đầy toàn bộ lưới 100. Điều đó bằng với tổng lượng chất lỏng là 2.40 cup.

Trừ số thập phân:



1.3

0.54

$$1.3 - .54 = .76$$

Nhân số thập phân:

	2	0.3	0.04	
1	$1 \times 2 = 2$	$1 \times 0.3 = 0.3$	$1 \times 0.04 = 0.04$	2
0.7	$0.7 \times 2 = 1.4$	$0.7 \times .3 = 0.21$	$0.7 \times 0.04 = 0.028$	0.3
				0.04
				1.4
				0.21
				<u>+ 0.028</u>
				3.978

Nhân số nguyên với một số thập phân:

$$\begin{aligned} 5 \times .12 &= 5 \times .10 + 5 \times .02 \\ &= .50 + .10 \\ &= .60 \end{aligned}$$



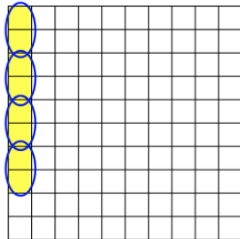
=.6

Nhân số thập phân với một số thập phân:

$$\begin{aligned}.5 \times .12 &= .5 \times .10 + .5 \times .02 \\ &= .050 + .010 \\ &= .060 \\ &= .06\end{aligned}$$

Chia số thập phân:

- Xác định độ lớn của từng nhóm.



- Xác định xem có thể lập được bao nhiêu nhóm có độ lớn bằng nhau.

8	7.6	7.2	6.8	6.4	6	5.6	5.2	4.8	4.4
-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4

4	3.6	3.2	2.8	2.4	2	1.6	1.2	0.8	0.4
-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4

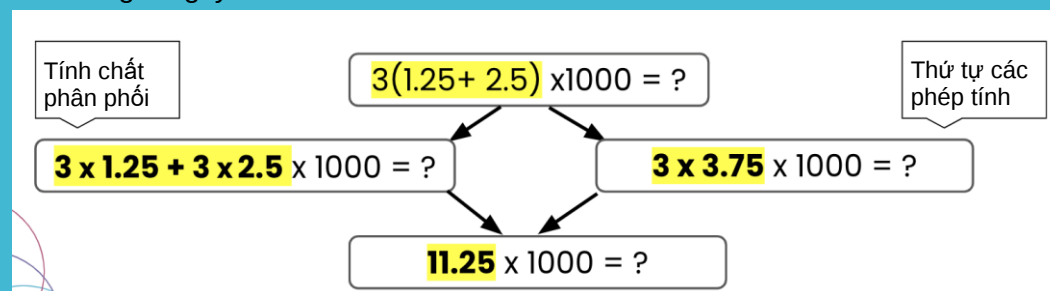
$$0.08 \div 4 = 0.02$$

trong mỗi nhóm

$$8 \div 0.4 = 20 \text{ các nhóm}$$

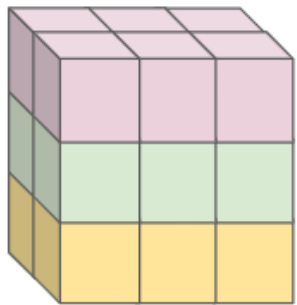
Biểu thức trong bối cảnh tính chất của các phép tính:

Mỗi ngày, tôi đi bộ 1.25 km vào buổi sáng và 2.5 km vào buổi chiều, hỏi tôi sẽ đi được bao nhiêu mét trong 3 ngày?

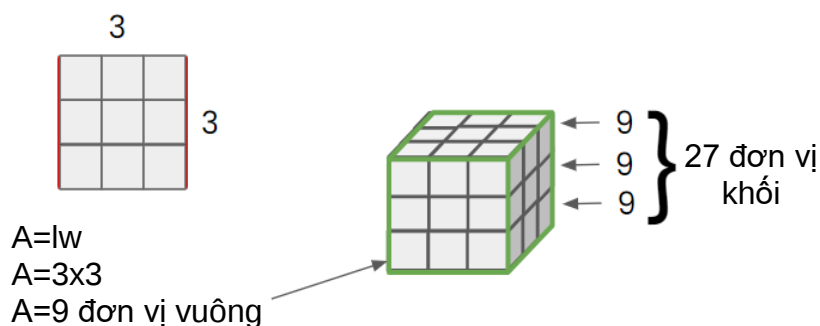


Thể tích

Đếm các khối đơn vị ở lớp dưới cùng trước. Đếm số lớp và cộng tất cả các lớp với nhau để tìm thể tích. Hình này có 6 khối đơn vị ở lớp dưới cùng và có tổng cộng ba lớp. Vậy thể tích của hình là $6 + 6 + 6 = 18$ khối đơn vị hay $6 \times 3 = 18$ khối đơn vị.

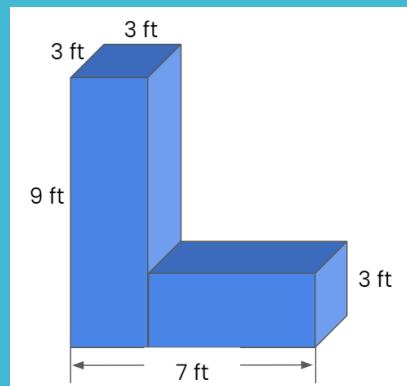


Kết nối diện tích với thể tích



Diện tích đáy hộp là $3 \times 3 = 9$ đơn vị vuông. Khi đã có diện tích, hãy đếm các lớp và nhân với đáy (diện tích) để tìm thể tích.

Thể tích của các hình thẳng:



Lăng trụ A

$$V = d \times r \times c$$

$$V = 3 \times 3 \times 9$$

$$V = 81 \text{ feet khối}$$

Lăng trụ B

$$V = d \times r \times c$$

$$V = 4 \times 3 \times 3$$

$$V = 36 \text{ feet khối}$$

81 Lăng trụ A

+36 Lăng trụ B

117 feet khối



Phân đôi/tách hai hình chữ nhật và xác định các cạnh của hai hình chữ nhật.

Tìm riêng thể tích của hình chữ nhật thứ nhất và hình chữ nhật thứ hai, sau đó cộng thể tích của cả hai hình để tìm ra thể tích của toàn bộ hình.

Thuộc tính của tứ giác:

Hình vuông

- Cả 4 cạnh bằng nhau
- 4 góc vuông cộng lại bằng 360°
- Hai cặp cạnh song song bằng nhau
- Các góc đối cũng bằng nhau

Hình chữ nhật

- 2 cặp cạnh đối song song và bằng nhau.
- 4 góc vuông cộng lại bằng 360°

Hình bình hành

- 2 cặp cạnh đối song song
- Các góc đối bằng nhau, cộng lại bằng 360°

Hình thoi

- 2 cặp cạnh đối song song
- Cả 4 cạnh bằng nhau
- Các góc đối bằng nhau, cộng lại bằng 360°

Hình thang

- một cặp cạnh song song
- các góc đối không bằng nhau

Tài nguyên

Các liên kết và tài nguyên trực tuyến cho phép quý vị hỗ trợ việc học của con quý vị.

- [Khan Academy](#)
- [Fluency Games](#)
- [Fraction Multiplication with Area Model](#)
- [Dividing Fractions](#)
- [Fraction Moonshoot Game](#)



- [Multiplication Error Analysis](#)
- [Division with partial quotients](#)
- [Multiplying Fractions by Fractions using Area Models](#)
- [Multiplication of Fractions Part One](#)
- [Multiplication of Fractions Part Two](#)
- [Using Models for Division of Fractions](#)
- [More Division of Fractions with Models](#)
- [Are These Equivalent to 9.52?](#)
- [Comparing Decimals on the Number Line](#)
- [Finding Common Denominators to Add](#)
- [Quadrilateral Properties](#)
- [Hierarchy of Quadrilaterals](#)
- [Different Hierarchy of Quadrilaterals](#)
- [Introduction to the coordinate plane](#)
- [How do I know where to plot the coordinates on a plane?](#)
- [Identifying the relationship of points on a coordinate plane](#)

Kết nối tại nhà

Hãy cho cha/mẹ biết...

- Hãy cho cha/mẹ biết con giải một bài toán như thế nào ở lớp toán hôm nay.
- Hãy cho cha/mẹ biết giáo viên đã dạy con như thế nào (chèn kỹ năng vào đây)
- Hãy cho cha/mẹ biết con đang học gì ở lớp toán.
- Hãy cho cha/mẹ biết còn điều gì con thấy khó hiểu.
- Hãy kể một số công việc mà con nghĩ có thể đòi hỏi con phải sử dụng phép cộng và phép trừ?
- Cùng chơi trò săn tìm đồ vật để xem liệu chúng ta có thể tìm thấy dạng chữ và dạng chuẩn trên một nhãn hàng hóa ở nhà hay trong cửa hàng tạp hóa không nhé!
- Dùng biểu đồ giá trị theo hàng và kiến thức về dạng đơn vị để tính xem con sẽ có bao nhiêu tiền nếu kiếm được 9 chục nghìn + 2 nghìn + 8 trăm + 5 chục + 3 đơn vị. Con sẽ làm gì với số tiền đó?
- Hãy cho cha/mẹ biết số lớn nhất/nhỏ nhất con có thể tạo ra bằng các chữ số 8, 5, 1, 9, 3 và 7
- Hãy cho cha/mẹ biết cách tìm diện tích phòng ngủ hoặc mặt bàn của con và xem con có thể tìm được tất cả các thừa số sẽ cho ra diện tích đó hay không.
- Hãy cho cha/mẹ biết hai cách để giải bài toán nhân 34×65 . Hãy đo quầy bếp nhà chúng ta và cho cha/mẹ biết nó rộng bao nhiêu feet vuông.
- Hãy cho cha/mẹ biết con có thể dùng hai cách tiếp cận nào để chia đều 128 viên kẹo cho con và ba người bạn.



- Hãy cho cha/mẹ biết con đang học gì về việc giải thích số dư. Nếu con mời 38 người đến dự tiệc sinh nhật của mình và một gói đĩa có 5 chiếc, thì con cần mua bao nhiêu gói để đủ cho tất cả mọi người? Con sẽ còn dư lại bao nhiêu chiếc đĩa? Có bao nhiêu chiếc đĩa trong gói đĩa không còn đủ?
- Con sẽ sử dụng $\frac{1}{2}$ làm phân số chuẩn như thế nào để giúp sắp xếp thứ tự và so sánh các phân số? Nếu con đang tham gia một cuộc đua và phải chọn thời điểm xuất phát trước, con sẽ chọn thời điểm xuất phát trước là $\frac{3}{5}$, $\frac{1}{3}$ hay $\frac{5}{10}$?
- Con sử dụng bội số như thế nào để tìm mẫu số chung và tử số chung?
- Nếu chúng ta chạy đua, cha/mẹ đã xuất phát trước $\frac{5}{6}$, người bạn thân nhất của con xuất phát trước $\frac{11}{12}$, và con xuất phát trước $\frac{7}{8}$ trên đường đua, thì ai sẽ gần với vạch đích hơn? Làm sao con biết?
- Có bao nhiêu loại tứ giác khác nhau luôn có hai cặp cạnh đối song song? có bốn giao điểm vuông góc? Có cả góc tù và góc nhọn? Con có thể tìm được một biển báo trên đường có hình vuông, hình chữ nhật và một biển báo khác hình thoi không? Còn hình thang thì sao?
- Nếu con bắt đầu học lúc 7h30 và ở lại trường trong 8 giờ 45 phút thì con sẽ về nhà lúc mấy giờ?
- Nếu con đến cửa hàng mua một chai soda 2 lít thì nó sẽ có bao nhiêu mililit? Còn chạy quãng đường 10 kilômét thì sao, nó sẽ là bao nhiêu mét? Trọng lượng của con sẽ lớn hơn nếu con cân theo kilôgam hay gam?
- Hãy cho cha/mẹ biết làm thế nào để tìm thể tích của một (đưa tên một đồ vật vào đây)?
- Hãy cho cha/mẹ biết diện tích và thể tích kết nối với nhau như thế nào?

Kết nối phụ huynh với nội dung khóa học

- Hãy kể một số công việc mà con nghĩ có thể đòi hỏi con phải sử dụng phép nhân và phép chia? Cộng và trừ?
- Nếu cha/mẹ mua 12 chai soda và mỗi chai có 32 ounce thì cha/mẹ sẽ có tổng cộng bao nhiêu ounce soda? Con có thể giải bằng nhiều cách không?
- Nếu cha/mẹ có tổng lượng soda không đổi, thì mua một lốc 6 chai soda có giá 1.34 đô la hay 12 chai soda có giá 63 xu sẽ rẻ hơn? Cha/mẹ sẽ tiết kiệm được bao nhiêu tiền khi mua gói rẻ hơn?
- Chúng ta nên sử dụng loại biểu đồ nào để thể hiện dữ liệu này?
- Hãy cho cha/mẹ biết chúng ta có thể sử dụng diện tích và chu vi để xây dựng hàng rào ngăn chó mới như thế nào?
- Con có thể tìm được bao nhiêu hình tứ giác quanh nhà chúng ta?
- Nếu con có 175 lát bánh pizza và một hộp có thể chứa 7 lát bánh, vậy con sẽ cần bao nhiêu hộp? Con có thể giải bằng nhiều cách không?
- Con sẽ sử dụng kỹ năng chia đòi hỏi giải thích số dư như thế nào nếu con có một túi chứa 45 viên kẹo và muốn chia đều cho con cùng 7 người nữa?



- Nhìn vào các phân số trong một công thức nấu ăn và tìm cách xác định xem phân số nào lớn hơn hay nhỏ hơn $\frac{1}{2}$. So sánh các lượng phân số khác nhau bằng cách tìm mẫu số chung. Chuyển đổi hỗn số thành phân số không thật sự.
- Việc thành thạo các phép tính cộng, trừ, nhân, chia sẽ giúp con quý vị cảm thấy tự tin hơn. Hãy thử [can thiệp dựa trên nghiên cứu](#) để khuyến khích con nắm vững các phép toán.

Những thách thức cần lường trước

Việc chứng kiến con mình chật vật là không dễ dàng nhưng đây lại là một phần không thể thiếu trong quá trình học tập. Hãy hỗ trợ và động viên khi có khó khăn xảy ra. Người ta đã chứng minh rằng việc gặp khó khăn có thể giúp hiểu biết sâu sắc hơn về toán học.

Nếu không nắm vững các dữ kiện, con quý vị sẽ phải vật lộn với diện tích, thừa số, bội số, nhân số có 2 chữ số với số có 2 chữ số và số có 1 chữ số với số có tối đa 3 chữ số, phép chia, phân số tương đương, chuyển đổi phân số, nhân phân số và phép so sánh nhân, đó chỉ là một số vấn đề lớn. Thực hành và tìm hiểu các dữ kiện sẽ mất ít thời gian hơn so với việc hoàn thành bài tập mà không biết chúng.

Nhiều học sinh gặp khó khăn với bài toán hai bước vì các em dừng lại sau bước thứ hai. Khuyến khích con đọc lại bài toán trước khi chọn một đáp án để đảm bảo rằng con đang đưa ra đáp án mà bài yêu cầu, chứ không chỉ đưa ra bước đầu tiên.

Khi so sánh các phân số, học sinh có thể gặp khó khăn trong việc vẽ ra mô hình diện tích có các phần cùng độ lớn.

Hãy nhớ rằng con quý vị sẽ học cách tính toán trước khi học thuật toán. Ở lớp 4, các em sử dụng mô hình diện tích, phép cộng và phép trừ lặp, cách tiếp cận giá trị theo hàng, v.v. để học phép chia và phép nhân, không giống như những gì chúng ta đã học hồi còn nhỏ. Ở lớp 5, chúng ta kết nối những cách tiếp cận này với các thuật toán tiêu chuẩn. Nó giúp học sinh xây dựng sự hiểu biết về khái niệm, từ đó giúp các em áp dụng các chiến lược này vào tình huống thực tế. Xin nhớ ủng hộ những cách tiếp cận này.

Khi con quý vị đang gặp khó khăn với một kỹ năng nào đó, hãy tìm một trò chơi toán học để khiến việc học trở nên thú vị. Quý vị có thể sử dụng liên kết sau đây để tìm ra những trò chơi phù hợp với kỹ năng toán học mà con đang gặp khó khăn: [Math Games](#)

Giao tiếp với giáo viên của con quý vị

Quý vị vẫn cảm thấy bế tắc? Hãy liên hệ với giáo viên của con để thảo luận xem quý vị còn có thể làm gì thêm cho việc học của con. Một số câu hỏi có thể định hướng cho quý vị thảo luận:

- Cô/thầy đề nghị tôi dùng những nguồn nào để giúp con tôi?
- Cô/thầy thấy con tôi đang gặp khó khăn ở đâu? Chúng ta có thể cùng làm gì để giúp?



RETHINK EDUCATION
North Carolina Department of Public Instruction

- Con tôi nên thực hành gì ở nhà?
- Chúng ta có thể cùng gửi thông điệp gì để giúp con tôi học tập?

Cần trợ giúp kỹ thuật?

Hãy liên hệ với trường học tại nhà của học sinh để được hỗ trợ kỹ thuật. Bao gồm loại thiết bị (PC, Mac, Chromebook, v.v.) và trình duyệt (Chrome, Firefox, Safari, v.v.).